

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày 30-7-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tú Anh

Ông Nguyễn Văn Khuyển

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 19/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2020/QĐXXST- HS ngày 17/7/2020 đối với bị cáo:

Hoàng Xuân B, sinh ngày 20/3/1960, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 25/6/2020; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị Ú (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Tuyết L và 02 con (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- **Bị hại:** Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. *Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

2. Bà Mai Thị N, sinh năm 1947, địa chỉ: thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

3. Bà Tống Thị M, sinh năm 1953, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

4. Ông Nguyễn Đình U, sinh năm 1965, trú tại: thôn Á, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
6. Ông Phạm Quyết T, sinh năm 1952, địa chỉ: thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
7. Ông Đinh Công T, sinh năm 1952, địa chỉ: thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
9. Ông Tống Hồng L, sinh năm 1959, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.
10. Ông Trịnh Minh P, sinh năm 1957, địa chỉ: phố P, phường Ph, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
11. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1968, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
12. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.
13. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1957, trú tại: phố K, phường , thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
14. Chị Lê Thị Hồng S, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
15. Chị Giang Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: phố B, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.
16. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1980, địa chỉ: số nhà 76, phố 12, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Xuân B là công chức Văn hóa - xã hội phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình từ tháng 4 năm 2005 đến tháng 7 năm 2018 có nhiệm vụ quản lý, theo dõi, hướng dẫn, làm hồ sơ, thủ tục cho các đối tượng chính sách; tiến hành tiếp nhận, chi trả, thanh quyết toán các khoản tiền từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cấp cho các đối tượng là người có công, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người được hưởng chế độ bảo trợ xã hội trên địa bàn xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Từ năm 2012 đến năm 2016, trên địa bàn xã N có 11 đối tượng chính sách vừa là đối tượng người có công, vừa là đối tượng bảo trợ xã hội chết. Với mỗi đối tượng chính sách, Hoàng Xuân B đã lập hai hồ sơ đề nghị hỗ trợ mai táng phí đối tượng người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đối với hồ sơ mai táng phí cho người có công, Hoàng Xuân B hướng dẫn gia đình viết đơn đề nghị và đã cấp phát tiền đầy đủ cho thân nhân các đối tượng chính sách. Đối với hồ sơ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội, Hoàng Xuân B đã làm giả 11 hồ sơ bằng thủ đoạn trà trộn hồ sơ người có công và đối tượng bảo trợ xã hội đưa cho thân nhân đối tượng chính sách ký đơn đề nghị hoặc nhờ người khác ký hộ trong đơn đề nghị sau đó trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N (ông Nguyễn Quang H) ký duyệt. Sau khi có kinh phí hỗ trợ, Hoàng Xuân B đã giả chữ viết, chữ ký của thân nhân đối tượng chính sách để ký nhận hoặc nhờ người dân ký hộ vào danh sách nhận tiền để quyết toán với phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện H. Bằng cách thức, thủ đoạn nêu trên trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016, Hoàng Xuân B đã 11 lần chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước do UBND huyện H quản lý với tổng số tiền là 35.400.000 (ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Cụ thể:

Mười trường hợp, mỗi trường hợp Hoàng Xuân B chiếm đoạt số tiền 3000.000 đồng, gồm:

+ Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1926, trú tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 24/8/2012, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Nguyễn Văn T - con trai ông K.

+ Ông Mai Văn N sinh năm 1947, trú tại thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 12/8/2012, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là bà Mai Thị N - vợ ông N.

+ Bà Trần Thị L sinh năm 1925, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 27/12/2012, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là bà Tống Thị M - con gái bà L.

+ Ông Nguyễn Đình L sinh năm 1932, trú tại thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 01/03/2013, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Nguyễn Đình U- con trai ông L.

+ Bà Bùi Thị S sinh năm 1929, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 05/2/2014, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Nguyễn Văn B - chồng bà S.

+ Ông Đinh Văn Th sinh năm 1926, trú tại thôn Á, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 17/6/2014, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Đinh Công T - con trai ông T.

+ Bà Phạm Thị D sinh năm 1918, trú tại thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 17/11/2014, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là Phạm Quyết T - con trai bà D.

+ Bà Đoàn Thị H sinh năm 1931, trú tại thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 15/2/2015, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người được hưởng mai táng phí là ông Trịnh Minh P - con trai bà H.

+ Ông Bùi Văn Q sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 11/2/2015, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là bà Nguyễn Thị T - vợ ông Q.

+ Bà Bùi Thị Đ sinh năm 1917, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình chết ngày 22/10/2015, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Tống Hồng L - con trai bà Đ.

Một trường hợp Hoàng Xuân B chiếm đoạt số tiền 5.400.0000 đồng:
Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1932, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, chết ngày 08/11/2016, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội thể hiện người nhận mai táng phí là ông Vũ Văn T - con trai bà S.

Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 13/CSĐT ngày 14/02/2020, giám định chữ viết, chữ ký nhận của thân nhân các đối tượng được hưởng chế độ nói trên. Tại Kết luận giám định số 07/KLGD-PC09-TL ngày 04/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình đã xác định:

- Chữ ký dạng chữ viết, chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T, Tống Thị M, Nguyễn Đình U, Nguyễn Công T, Phạm Quyết T (tài liệu cần giám định ký hiệu A10), T (tài liệu cần giám định ký hiệu A12), P/ Trịnh Minh P (tài liệu cần giám định ký hiệu A13), Tống Hồng L (tài liệu cần giám định ký hiệu A15), T (tài liệu cần giám định ký hiệu A16) so với chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết, chữ ký dạng chữ viết mang tên Phạm Quyết T (tài liệu cần giám định ký hiệu A9), Nguyễn Thị T (tài liệu cần giám định ký hiệu A11), Tống Hồng L (tài liệu cần giám định ký hiệu A14) so với chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký mang tên Vũ Văn T (tài liệu cần giám định ký hiệu A16) không cùng dạng với mẫu so sánh nên không tiến hành giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Trước đó, khi UBND huyện H, UBND xã N có yêu cầu rà soát chế độ trợ cấp đối với đối tượng người có công và bảo trợ xã hội, Hoàng Xuân B đã tự báo cáo hành vi sai phạm và nộp lại số tiền 35.400.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt cho Ủy ban nhân dân huyện H.

Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 18/06/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 280 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân B phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 280 của BLHS năm 1999, các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 (có bố là người có công với cách mạng) Điều 51 BLHS, Điều 54 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 5 năm 6 tháng tù đến 6 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung từ 10 đến 20 triệu đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi nêu trên và tỏ ra ăn năn, hối cải, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bị cáo gia đình bị cáo kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo hay bị đau ốm, đã tự giác nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo nguyên là cán bộ công chức, đảng viên, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản từ ngân sách nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhiều lần trong thời gian dài. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa thể hiện bị cáo đã thực hiện các hành vi đúng như cáo trạng đã truy tố. Lợi dụng sơ hở của cán bộ phòng Lao động- Thương binh và Xã hội huyện H, lãnh đạo phụ trách của UBND xã N trong công tác kiểm tra, đối chiếu, so sánh hồ sơ chi trả mai táng phí cho các đối tượng chính sách, từ năm 2012 đến 2016, bị cáo lập không 11 hồ sơ hỗ trợ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội (trùng với 11 trường hợp thuộc đối tượng người có công đã được nhà nước hỗ trợ mai táng phí) để chiếm đoạt 35,4 triệu đồng thuộc ngân sách nhà nước do UBND huyện H quản lý. Hành vi của

bị cáo đã phạm vào tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 280 của BLHS năm 1999.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình công tác, bị cáo có thành tích nhiều lần được tặng giấy khen, bằng khen. Khi có yêu cầu kiểm tra, rà soát của UBND về chế độ trợ cấp đối với các đối tượng chính sách, bị cáo đã tự báo cáo hành vi vi phạm của mình và tự giác giao nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Ngoài ra, bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Pháp. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, các tình tiết (đầu thú, bố là người có công với cách mạng) tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo diễn ra trong khoảng thời gian BLHS năm 1999 đang có hiệu lực. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của nhà nước thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, Điều 52 BLHS năm 2015 không quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này nên cần áp dụng quy định có lợi cho bị cáo tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội để không xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện chính sách xã hội của nhà nước. Căn cứ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được phân tích nêu trên, HĐXX nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ngoài hình phạt chính, xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo về việc cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kinh tế- tài chính trong thời hạn nhất định vì bị cáo đã nghỉ hưu, sau khi chấp hành xong hình phạt tù đã quá đủ tuổi để bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ trong các tổ chức, cơ quan của nhà nước. Bị cáo là người cao tuổi, thu nhập duy nhất từ lương hưu nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền 35,4 triệu đồng cho UBND huyện H. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Quang H- phó chủ tịch UBND xã N, ông Phạm Văn L- nguyên trưởng phòng lao động- thương binh và xã hội huyện H, bà Lê Thị Hồng S- nguyên cán bộ phụ trách chế độ chính sách về bảo trợ xã hội, bà Giang Thị Hương nguyên là cán bộ phụ trách chính sách về người có công, bà Nguyễn Thị D nguyên là kế toán thuộc phòng lao động- thương binh và xã hội huyện H đã thiếu trách nhiệm trong việc thực thi công vụ của mình, không kiểm tra, giám sát việc chi trả chế độ chính sách bảo trợ xã hội, thiếu kiểm tra, đôn đốc trong quản lý theo dõi tăng, giảm đối tượng được hưởng chính sách xã hội trong địa bàn xã N dẫn đến Hoàng Xuân B lợi dụng những sơ hở này để chiếm đoạt tài sản nhà nước. Xét thấy việc làm của những người này không có mục đích tư lợi cá nhân do vậy chưa đến mức phải xử lý hình sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án (anh T, bà N, bà M, ông U, ...) không biết bị cáo đã lợi dụng chữ ký, chữ viết, danh nghĩa mình để chiếm đoạt tài sản của nhà nước và những người này cũng không được hưởng lợi ích gì từ hành vi phạm tội của bị cáo (trừ chị T con dâu bà S có nhận từ bị cáo 1,5 triệu đồng do bị cáo nói là chế độ mai táng phí Bảo trợ xã hội đã trả lại cho bị cáo) nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Xuân B phạm tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật hình sự năm 1999, các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, Điều 54 của BLHS năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân B 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh